TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST-HNGĐ	*Đồ Sơn, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn M, nơi ĐKHKTT: Tổ V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ K, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Chị Đinh Thị Bích T, nơi ĐKHKTT: Tổ V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ K, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự cho thấy: Anh Nguyễn Văn M kết hôn với chị Đinh Thị Bích T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường N, quận Đ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 05-9-2014. Thời gian đầu, anh, chị chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Khoảng 02 năm trở lại đây, do anh, chị đều sống không chung thủy, nghi ngờ nhau về mặt tài chính trong gia đình và bất đồng về quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Gia đình hai bên đã nhiều lần tác động và hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh, chị cũng đã cố gắng chung sống với nhau để nuôi dạy con nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, cãi nhau nhiều hơn. Khoảng một năm nay, tuy chung một nhà nhưng anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Cả anh M và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn,

tình trạng hôn nhân không thể cải thiện được và cũng không thể kéo dài được nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh M và T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; việc anh M và T thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 20 tháng 3 năm 2019 là có căn cứ cần được Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18-11-2014. Anh M và chị T thỏa thuận giao cháu L cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh M có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con; việc thỏa thuận nuôi con của anh M và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của cháu L nên cần được Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh M và chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh M và chị T thỏa thuận để anh M nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của anh M và chị T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Đinh Thị Bích T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh M và chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh M và chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh M nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006954 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh M đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường N, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường